TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 63/2026/QĐST-DS

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 275, 280, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2026/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Ma Đức T (tên gọi khác: Tàng Đức T1), sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Ma Đức T (tên gọi khác: Tàng Đức T1) nhất trí có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị Hằng S tiền nợ gốc 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và 8.333.000đ tiền lãi. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 108.333.000đ (một trăm linh tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: *Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người*

được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí:

Anh Ma Đức T (tên gọi khác: Tàng Đức T1) nhận chịu 2.708.300đ (Hai triệu bảy trăm linh tám nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Lương Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Lương Thị Hằng S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 2.820.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001150 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc